

COMMUNICATION UNIT 10 SGK TIẾNG ANH 9

1. Put a tick (V) under the things you think that astronauts do (Đặt dấu (V) bên dưới những việc bạn nghĩ rằng các phi hành gia làm và dấu (X) bên dưới nếu họ không làm. Sau đó đọc bài và kiểm tra câu trả lời.)

Hướng dẫn giải

1.X	2.V	3.V	4.X
-----	-----	-----	-----

Hướng dẫn dịch

Một ngày trong đời sống của một phi hành gia trên trạm không gian quốc tế

1. Các phi hành gia ngủ trong túi ngủ. Vì trọng lực làm cho họ không có trọng lực. Họ phải bó mình lại để không bị trôi xung quanh.
2. Tóc được gội với dầu gội khô không cần nước. Đối với việc đánh răng, một lượng nhỏ nước được dùng với kem đánh răng và sau đó được nuốt vào.
3. Phi hành đoàn dành cả ngày của họ làm các thí nghiệm khoa học. Họ cũng ra ngoài để kiểm tra sự ổn định của trạm. Trung tâm kiểm soát nhiệm vụ trên Trái đất hỗ trợ các hoạt động của họ.
4. Các phi hành gia ăn nhiều loại thực phẩm khác nhau như trái cây, các loại hạt, thịt gà, thịt bò, hải sản, sô cô la hạnh nhân, muối và tiêu (ở thể lỏng) ... Nước uống bao gồm cà phê, trà và nước trái cây (đều được đóng gói). Thức ăn có thể được đun nóng hoặc giữ lạnh với máy đặc biệt.
5. Thú tiêu khiển phổ biến trong khi xoay quanh Trái đất đơn giản là nhìn ra ngoài cửa sổ để chiêm ngưỡng vẻ đẹp của nó. Trong lúc rảnh, các phi hành gia tập thể dục, xem phim, chơi nhạc, đọc sách, đánh bài và nói chuyện với gia đình họ.

2. Life on the ISS. Match the subheadings with (Cuộc sống trên ISS. Nối những phụ đề với những đoạn văn của bài đọc ở bài 1.)

A. Time off in space

B. Working in space

C. Eating in space

D. Sleeping in space

E. Morning routine in space

1. Astronauts sleep in sleeping bags. The microgravity makes them weightless. They have to attach themselves so they don't float around.

2. Hair is washed with a 'rinseless' shampoo that does not need water. For toothbrushing, a small amount of water is used with toothpaste and then swallowed.

3. The crew spend their day doing science experiments. They also carry out checks for the maintenance of the station. The Mission Control Centre on Earth supports their operations.

4. The astronauts eat various foods such as fruits, nuts, chicken, beef, seafood, brownies, salt and pepper (in liquid form), etc. Drinks include coffee, tea, and fruit juice (all packaged). Foods can be heated up or kept cool with special machines.

5. A popular pastime while orbiting Earth is simply looking out of the windows to admire its beauty. In their free time, astronauts exercise, watch movies, play music, read books, play cards, and talk to their families.



The International Space Station (ISS). Credit: NASA.



Astronaut Samantha Cristoforetti enjoys her first drink from the new ISSpresso machine which can make hot beverages, Mar., 2015.
Credits: NASA.



NASA astronaut Kjell Lindgren replaces items inside the ISS, Sep., 2015.
Credits: NASA.



Astronaut Scott Kelly posted this photo taken from the ISS to Twitter on Sept. 5, 2015.
Credits: NASA.

Hướng dẫn giải

1.D	2.E	3.B	4.C	5.A
-----	-----	-----	-----	-----

3. Work in groups. Imagine that you are going to spend (*Làm việc theo nhóm. Tưởng tượng bạn sắp trải qua 1 tháng trên trạm không gian quốc tế. Thảo luận và đồng ý với 3 thứ mà nhóm bạn sẽ mang đến ISS để đáp ứng mỗi mục ở phần 2. Sau đó chia sẻ danh sách của bạn với những nhóm khác và giải thích quyết định của bạn.*)

4. Now work individually and write on a piece of paper (*Bây giờ làm việc cá nhân viết vào 1 mẫu giấy một thứ bạn sẽ mang theo đến ISS như là một vật dụng cá nhân bởi vì bạn không thể sống thiếu nó. Sau đó kể cho bạn của bạn vật mà bạn đã viết.*)

Gợi ý: packaged food; drink; sleeping bag; camera